BỘ CÔNG AN

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 35/2025/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 09 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26

tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 07 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch và tài chính;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định một số nội dung về thẩm quyền, phân cấp, ủy quyền quyết định, phê duyệt trong hoạt động đầu tư, mua sắm; thực hiện hoạt động đầu

tư, mua sắm; cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa; thanh toán, quyết toán vốn, kinh phí đầu tư, mua sắm; kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Việc đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng công trình;

b) Việc đầu tư, mua sắm sử dụng nguồn vốn doanh nghiệp và quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập trong Công an nhân dân;

c) Việc mua vật tư, nguyên vật liệu, dịch vụ để sản xuất không thuộc trường hợp được cơ quan, người có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất.

3. Các nội dung về đầu tư, mua sắm chưa được quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công; đấu thầu; ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công an các đơn vị, địa phương, gồm:

a) Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;

b) Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Công an cấp tỉnh).

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Hàng hóa, dịch vụ trong Công an nhân dân* là hàng hóa thuộc danh mục tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý và các hàng hóa (bao gồm cả thuốc theo quy định của Luật Dược), dịch vụ khác.

2. *Dự toán mua sắm chi tiết* là tập hợp đề xuất nhu cầu mua sắm khi không lập dự án đầu tư, bao gồm các nội dung về: chủng loại, danh mục hàng hóa, dịch vụ, số lượng, đơn giá, tổng kinh phí, yêu cầu kỹ thuật cơ bản, đối tượng thụ hưởng và nội dung khác để triển khai thực hiện dự toán mua sắm (nguồn kinh phí).

3. *Đơn vị mua sắm* là Công an các đơn vị, địa phương được giao vốn, kinh phí để tổ chức mua sắm.

4. *Cơ sở sản xuất trong Công an nhân dân* gồm doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong Công an nhân dân và các cơ sở sản xuất khác thuộc Công an các đơn vị, địa phương được cơ quan, người có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất sản phẩm phục vụ nhiệm vụ an ninh.

Điều 4. Nguyên tắc đầu tư, mua sắm

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, quản lý, sử dụng tài sản công, ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Tuân thủ chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế và dự toán của dự án đầu tư, dự toán mua sắm chi tiết, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có), kế hoạch lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức mua sắm phù hợp với chỉ tiêu kế hoạch vốn, kinh phí được giao, kế hoạch thu, chi được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với mua thuốc, dụng cụ, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao sử dụng nguồn thu hoạt động sự nghiệp của bệnh viện).

4. Bảo đảm công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức; đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu của lực lượng Công an nhân dân.

5. Chỉ mua sắm hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu.

6. Thủ trưởng đơn vị mua sắm được phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư, mua sắm chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an về các quyết định của mình. Người được ủy quyền quyết định đầu tư, mua sắm không được ủy quyền tiếp.

Điều 5. Nguồn vốn, kinh phí mua sắm

1. Vốn đầu tư phát triển.

2. Kinh phí thường xuyên.

3. Kinh phí dự trữ quốc gia.

4. Kinh phí đặc biệt.

5. Vốn, kinh phí địa phương hỗ trợ.

6. Vốn, kinh phí hợp pháp khác.

Điều 6. Các hoạt động đầu tư, mua sắm

1. Mua sắm theo dự án đầu tư:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, trừ trường hợp không phải thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư;

c) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có);

d) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán (đối với dự án hoặc hạng mục đầu tư có thiết kế 2 bước);

đ) Lựa chọn nhà thầu;

e) Cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa mua sắm;

g) Kiểm soát, cấp phát, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư.

2. Mua sắm theo dự toán:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết;

b) Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

c) Lựa chọn nhà thầu;

d) Cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa mua sắm;

đ) Kiểm soát, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí mua sắm.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
THẨM QUYỀN, PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, MUA SẮM

Điều 7. Mua sắm theo dự án

1. Bộ trưởng Bộ Công an:

a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định có liên quan của Chính phủ;

b) Phê duyệt đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C; trừ trường hợp phân cấp, ủy quyền quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

c) Phê duyệt thiết kế chi tiết, dự toán của dự án nhóm A; trừ trường hợp phân cấp, ủy quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

d) Phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 77 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (Luật Đấu thầu), trừ trường hợp phân cấp, ủy quyền quy định tại điểm c khoản 2 và điều a khoản 3 Điều này.

2. Thủ trưởng đơn vị mua sắm (chủ đầu tư):

a) Phê duyệt đầu tư dự án có tổng mức đầu tư và tổng kinh phí Bộ Công an giao dưới 15 tỷ đồng; phê duyệt đầu tư các dự án khác khi được Bộ trưởng Bộ Công an giao, ủy quyền;

b) Phê duyệt thiết kế chi tiết, dự toán của dự án nhóm B, nhóm C;

c) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án được Bộ trưởng phân cấp, ủy quyền phê duyệt đầu tư theo điểm a khoản này; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu khi được ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu; phê duyệt các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Đấu thầu.

3. Đối với dự án mua sắm sử dụng 100% vốn, kinh phí địa phương hỗ trợ:

a) Trường hợp Bộ Công an quyết định chủ trương đầu tư, giao Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt: đầu tư dự án nhóm B, nhóm C; thiết kế chi tiết và dự toán của dự án; kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với dự án do mình phê duyệt đầu tư; kế hoạch lựa chọn nhà thầu khi được ủy quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Đấu thầu; các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Đấu thầu;

b) Đối với dự án không phải thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư, Giám đốc Công an cấp tỉnh báo cáo xin ý kiến Lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực kế hoạch, tài chính đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên trước khi phê duyệt đầu tư theo phân cấp quy định tại điểm a khoản này hoặc trình cấp có thẩm quyền của địa phương phê duyệt đầu tư.

Điều 8. Mua sắm theo dự toán

1. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định việc mua sắm, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 2, cấp 3 trực tiếp quan hệ với đơn vị dự toán cấp 1 quyết định việc mua sắm trong dự toán ngân sách Bộ Công an giao đơn vị hằng năm (trừ: mua sắm hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung, nếu có; mua sắm trang bị, cấp phát cho hệ lực lượng, các trường hợp mua sắm tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng có tổng dự toán từ 15 tỷ đồng trở lên) và các trường hợp khác khi được Bộ trưởng giao hoặc ủy quyền.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 3 quan hệ trực tiếp với đơn vị dự toán cấp 2 và thủ trưởng các đơn vị khác quyết định việc mua sắm trong phạm vi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp giao hoặc ủy quyền.

4. Giám đốc bệnh viện trực thuộc Bộ Công an, giám đốc bệnh viện trực thuộc Công an cấp tỉnh quyết định việc mua thuốc, dụng cụ, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

5. Người đứng đầu cơ sở sản xuất trong Công an nhân dân quyết định việc mua sắm vật tư, nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất, gia công sản phẩm phục vụ nhiệm vụ an ninh được cơ quan, người có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu và các quy định khác có liên quan.

6. Đối với mua sắm hàng hóa sử dụng 100% kinh phí địa phương hỗ trợ, trường hợp Bộ Công an quyết định việc mua sắm, giao Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết sau khi được Bộ Công an đồng ý về chủ trương theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Thông tư này.

Mục 2
CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ, DỰ TOÁN MUA SẮM, KẾ HOẠCH TỔNG THỂ LỰA CHỌN NHÀ THẦU, KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều 9. Chủ trương đầu tư

1. Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an và Công an cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu và đăng ký danh mục dự án đầu tư công trung hạn theo hướng dẫn của Bộ Công an gửi Cục Kế hoạch và tài chính để báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. Khi được cấp có thẩm quyền đồng ý, Cục Kế hoạch và tài chính thông báo để Công an các đơn vị, địa phương lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;

b) Trường hợp phát sinh nhu cầu đầu tư quan trọng, cấp bách sau thời điểm kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ Công an được duyệt, Công an các đơn vị, địa phương đăng ký bổ sung danh mục dự án đầu tư công gửi Cục Kế hoạch và tài chính để báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. Khi được cấp có thẩm quyền đồng ý, Cục Kế hoạch và tài chính thông báo để Công an các đơn vị, địa phương lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. Căn cứ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

a) Quy hoạch ngành quốc gia, chương trình, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

b) Thông báo của Cục Kế hoạch và tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Thực trạng trang thiết bị hiện có;

d) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị; yêu cầu nhiệm vụ công tác, chiến đấu thực tế;

đ) Tài liệu thuyết minh cơ sở xác định sơ bộ tổng mức đầu tư.

3. Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Luật Đầu tư công và quy định khác có liên quan.

Nội dung đề xuất về phương án thiết kế được tích hợp trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Một dự án có thể áp dụng đồng thời hai phương án thiết kế (thiết kế một bước, thiết kế hai bước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư này) để phù hợp với nội dung đầu tư; trường hợp áp dụng hai phương án thiết kế, phải đề xuất rõ phương án thiết kế tương ứng với hạng mục đầu tư cụ thể.

4. Điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư được thực hiện theo Điều 37 Luật Đầu tư công và quy định khác có liên quan.

5. Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 (sau đây gọi là Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung).

Điều 10. Dự án đầu tư

1. Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan. Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

2. Điều chỉnh dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan. Cục Kế hoạch và tài chính quyết định việc tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án đầu tư làm cơ sở thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư.

3. Đối với dự án được Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 7 Thông tư này:

a) Trường hợp hạng mục đầu tư của dự án có yêu cầu đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống kỹ thuật nghiệp vụ trong Công an nhân dân, chủ đầu tư lấy ý kiến của đơn vị kỹ thuật chuyên ngành liên quan thuộc Bộ Công an về nội dung thiết kế của hạng mục đó trước khi phê duyệt theo phân cấp, ủy quyền;

b) Các đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời chủ đầu tư trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.

Điều 11. Thiết kế dự án

1. Thiết kế một bước là thiết kế chi tiết, được tích hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và được áp dụng với dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

2. Thiết kế hai bước:

a) Gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết. Thiết kế cơ sở được tích hợp trong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Thiết kế chi tiết phải phù hợp với các nội dung, thông số chủ yếu của thiết kế cơ sở được phê duyệt trong dự án;

b) Thiết kế hai bước áp dụng với dự án có tổng giá trị các hạng mục yêu cầu lắp đặt, thiết lập hệ thống từ 90 tỷ đồng trở lên và các trường hợp khác người có thẩm quyền quyết định đầu tư thấy cần thiết, yêu cầu phải thiết kế hai bước.

3. Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin, nội dung thiết kế và hồ sơ thiết kế được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung và quy định tại Thông tư này.

4. Đối với thiết kế chi tiết do chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 7 Thông tư này: chủ đầu tư lấy ý kiến tham gia của các đơn vị kỹ thuật chuyên ngành liên quan thuộc Bộ Công an trước khi phê duyệt theo thẩm quyền.

5. Điều chỉnh thiết kế dự án: Thiết kế dự án được điều chỉnh khi nội dung thiết kế đã được duyệt không còn phù hợp với điều kiện thực tế hoặc xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn từ việc điều chỉnh. Đơn vị đề xuất điều chỉnh thiết kế phải báo cáo rõ lý do điều chỉnh, so sánh và phân tích sự phù hợp và tính hiệu quả của phương án điều chỉnh so với nội dung đã được duyệt trước đó, đồng thời đề xuất các giải pháp bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 12. Dự toán của dự án

1. Dự toán của dự án được lập, thẩm định, trình và phê duyệt đồng thời với thiết kế chi tiết của dự án.

2. Nguyên tắc lập dự toán của dự án:

a) Bảo đảm nguyên tắc đầu tư, mua sắm theo Điều 4 Thông tư này;

b) Dự toán riêng thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có);

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, giá dự toán là giá CIF hoặc CIP (không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng) và chi phí thực hiện hợp đồng (đã bao gồm đủ các khoản thuế, phí theo quy định), được tính bằng đồng Việt Nam, có quy đổi ra ngoại tệ tương đương theo tỷ giá tại thời điểm lập dự toán của dự án;

Đối với hàng hóa, dịch vụ mua sắm trong nước (gồm hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, gia công trong nước; hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, gia công ở nước ngoài và được chào bán tại Việt Nam), giá dự toán bao gồm đủ các khoản thuế, phí theo quy định, được tính bằng đồng Việt Nam;

Đối với phương tiện vận tải chuyên dùng thuộc danh mục phương tiện vận tải chuyên dùng trong nước đã sản xuất được nhưng do yêu cầu công tác nghiệp vụ cần phải mua nhập khẩu thì dự toán đủ khoản thuế nhập khẩu theo quy định.

3. Nội dung dự toán của dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công; đối với dự toán của dự án ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định tại Thông tư này.

4. Điều chỉnh dự toán của dự án:

Dự toán của dự án được điều chỉnh khi điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án; khi có nội dung trong dự toán đã được duyệt không còn phù hợp với điều kiện thực tế. Chủ đầu tư báo cáo rõ lý do và trình kèm các tài liệu chứng minh.

Điều 13. Dự toán mua sắm chi tiết

1. Dự toán mua sắm chi tiết được lập bảo đảm nguyên tắc theo khoản 2 Điều 12 Thông tư này; đơn giá dự toán phải phù hợp với yêu cầu, tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa, dịch vụ dự kiến mua sắm; phù hợp với giá thị trường tại thời điểm lập dự toán.

2. Căn cứ lập dự toán mua sắm chi tiết:

a) Có thông báo chỉ tiêu kinh phí mua sắm, trường hợp chưa có thông báo chỉ tiêu kinh phí nhưng cần mua sắm để đáp ứng yêu cầu cấp bách phục vụ công tác, chiến đấu, phải được người có thẩm quyền cho phép triển khai các thủ tục mua sắm; kế hoạch thu, chi hoạt động sự nghiệp của bệnh viện đối với việc mua thuốc, hóa chất, dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao;

b) Các tài liệu làm căn cứ thuyết minh dự toán mua sắm chi tiết (thực trạng trang bị hiện có; tiêu chuẩn, định mức trang bị; yêu cầu, nhiệm vụ công tác; các tài liệu làm căn cứ đề xuất chủng loại, danh mục hàng hóa, dịch vụ, đơn giá và yêu cầu, tính năng, thông số kỹ thuật, đối tượng thụ hưởng).

3. Nội dung dự toán mua sắm chi tiết:

a) Biểu dự toán mua sắm chi tiết gồm các đề xuất về: chủng loại, danh mục; số lượng, đơn giá, thành tiền, tổng dự toán, yêu cầu kỹ thuật cơ bản, đối tượng thụ hưởng, nguồn hàng;

b) Bản thuyết minh dự toán mua sắm gồm các nội dung: sự cần thiết phải mua sắm (phân tích thực trạng; nhu cầu thực tế; đối chiếu với tiêu chuẩn, định mức; danh mục, số lượng đề xuất mua sắm); tính năng, tác dụng, thông số kỹ thuật cơ bản của từng danh mục hàng hóa; sơ đồ bản vẽ, giải pháp thiết kế thi công trong trường hợp mua hệ thống kỹ thuật; thuyết minh đơn giá dự toán.

4. Điều chỉnh dự toán mua sắm chi tiết: Trường hợp cần điều chỉnh nội dung thuộc danh mục, dự toán mua sắm chi tiết đã được phê duyệt, đơn vị đề xuất điều chỉnh dự toán mua sắm rà soát và lập báo cáo, kèm các tài liệu làm căn cứ đề xuất điều chỉnh, bảo đảm nguyên tắc tổng giá trị mua sắm sau điều chỉnh không vượt quá tổng kinh phí mua sắm được thông báo.

5. Đối với mua sắm sử dụng 100% kinh phí địa phương hỗ trợ:

a) Công an cấp tỉnh báo cáo Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để cho ý kiến về chủ trương như sau:

Công an cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu, báo cáo Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) về các nội dung: danh mục, số lượng, đơn giá dự toán, đối tượng thụ hưởng bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng, thực trạng hiện có; tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản, giải pháp kỹ thuật và công nghệ (nếu có) đối với hàng hóa thuộc danh mục tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

Hồ sơ báo cáo Bộ Công an gồm: văn bản báo cáo xin ý kiến, trong đó có nội dung thuyết minh về sự cần thiết phải mua sắm, trang bị (thống kê, đánh giá thực trạng trang bị, thực trạng địa điểm dự kiến triển khai lắp đặt thiết bị; nhu cầu đầu tư; kết quả đối chiếu với tiêu chuẩn, định mức trang bị; đề xuất danh mục, số lượng, đơn giá và đối tượng trang bị của từng danh mục); các tài liệu kèm theo gồm: quyết định hoặc văn bản của cơ quan, cấp có thẩm quyền của địa phương về việc xác nhận hỗ trợ kinh phí; tài liệu làm căn cứ đề xuất đơn giá dự toán (theo một trong các cách thức: kết quả thẩm định giá/giá hợp đồng tương tự/báo giá/giá niêm yết, giá kê khai; tài liệu về giá phải thể hiện tính năng, tác dụng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản, xuất xứ, kí mã hiệu của hàng hóa);

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Công an cấp tỉnh, Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực kế hoạch, tài chính xem xét, cho ý kiến. Sau khi được lãnh đạo Bộ đồng ý về chủ trương, Cục Kế hoạch và tài chính thông báo để đơn vị hoàn thiện hồ sơ, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền của địa phương phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết và tổ chức thực hiện;

b) Đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục tài sản chuyên dùng; hàng hóa thuộc danh mục tài sản chuyên dùng có đơn giá từ 500 triệu đồng trở xuống với tổng kinh phí dự kiến mua sắm những hàng hóa này không vượt quá 15 tỷ đồng, Giám đốc Công an cấp tỉnh chủ động phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền của địa phương phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng, đáp ứng yêu cầu công tác, tiết kiệm, hiệu quả;

c) Công an cấp tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính và cơ quan chức năng liên quan) để quản lý, theo dõi.

Điều 14. Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu

Việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Đấu thầu, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định số 24/2024/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Trường hợp người có thẩm quyền đồng ý chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư lập, trình người có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu sau khi phê duyệt dự án.

2. Trường hợp cần điều chỉnh một số nội dung thuộc kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, thẩm định, phê duyệt đối với các nội dung có sự điều chỉnh.

Điều 15. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Nguyên tắc, căn cứ pháp lý lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38, Điều 39 Luật Đấu thầu, Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp cần điều chỉnh một hoặc một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt thì chỉ lập, thẩm định, phê duyệt đối với nội dung có sự điều chỉnh.

2. Hình thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định từ Điều 21 đến Điều 29 Luật Đấu thầu và khoản 7, khoản 8 Điều 4 Luật Đấu thầu sửa đổi; khoản 1, khoản 4 Điều 2, từ Điều 98 đến Điều 104 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và khoản 20 Điều 2 Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu (sau đây gọi là Nghị định số 17/2025/NĐ-CP).

Chủ đầu tư xác định gói thầu có sử dụng thông tin thuộc bí mật nhà nước được chỉ định thầu để bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu. Khi đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư phải thuyết minh rõ yêu cầu bảo mật, phương án bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với mỗi gói thầu là số ngày tính từ ngày phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đến khi có kết quả lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả thời gian thẩm định). Trường hợp hủy thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Đấu thầu và trường hợp xử lý tình huống theo quy định tại khoản 4 Điều 131 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, chủ đầu tư không phải trình duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt.

Mục 3
THẨM ĐỊNH, TRÌNH DUYỆT ĐẦU TƯ, MUA SẮM

Điều 16. Hình thức tổ chức thẩm định

Việc tổ chức thẩm định trong đầu tư, mua sắm được thực hiện theo hình thức cơ quan thẩm định hoặc hội đồng, tổ thẩm định.

1. Các trường hợp thẩm định theo hình thức cơ quan thẩm định:

a) Chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, thiết kế chi tiết và dự toán của dự án đầu tư, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Dự toán mua sắm chi tiết; kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

c) Các nội dung chủ đầu tư phê duyệt quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 78 Luật Đấu thầu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

2. Các trường hợp thẩm định theo hình thức hội đồng, tổ thẩm định:

a) Chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia và chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ (thẩm định nội bộ Bộ Công an); dự án đầu tư nhóm A có tổng giá trị các hạng mục thiết kế 2 bước từ 1.600 tỷ đồng trở lên; các trường hợp khác khi người có thẩm quyền quyết định;

b) Thủ trưởng đơn vị mua sắm được thành lập tổ thẩm định để thực hiện thẩm định các nội dung do mình quyết định.

Điều 17. Cơ quan thẩm định

1. Cơ quan chủ trì thẩm định quyết định việc lấy ý kiến của các cơ quan liên quan trong và ngoài ngành Công an hoặc thuê tư vấn thẩm tra trong quá trình thẩm định và chịu trách nhiệm về công tác tổ chức thẩm định và kết quả thẩm định.

2. Cơ quan phối hợp thẩm định nghiên cứu, có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì; chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định của mình.

Điều 18. Hội đồng thẩm định

1. Nguyên tắc thẩm định theo hình thức Hội đồng:

a) Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; nguyên tắc tập thể, cá nhân chịu trách nhiệm. Chủ tịch Hội đồng thẩm định thông qua kết luận;

b) Các phiên họp Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Hội đồng triệu tập phải có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt;

c) Trường hợp Hội đồng thẩm định không tổ chức họp, Chủ tịch Hội đồng quyết định và giao Thư ký Hội đồng lấy ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng bằng văn bản để tổng hợp báo cáo Chủ tịch Hội đồng;

d) Trong quá trình thẩm định, Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định việc thành lập tổ giúp việc và báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép thuê tư vấn thẩm

tra, lấy ý kiến tham gia của chuyên gia, cơ quan có liên quan trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân.

2. Thành phần, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng thẩm định

a) Thành phần Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên đại diện các cơ quan liên quan;

b) Thành viên Hội đồng thẩm định phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác về lĩnh vực kế hoạch, tài chính, kỹ thuật và các lĩnh vực khác liên quan đến nội dung thẩm định. Đối với thẩm định đấu thầu, thành viên Hội đồng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; cá nhân tham gia tổ chuyên gia không đồng thời tham gia Hội đồng thẩm định của cùng một gói thầu.

3. Quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

a) Chủ trì các phiên họp thẩm định;

b) Ký Báo cáo kết quả thẩm định;

c) Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động của Hội đồng;

d) Chịu trách nhiệm về công tác tổ chức thẩm định và kết quả thẩm định của Hội đồng.

4. Quyền và trách nhiệm của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định (nếu có)

a) Chủ trì họp thẩm định, ký Báo cáo kết quả thẩm định khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền;

b) Thực hiện quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng.

5. Quyền và trách nhiệm của Thư ký Hội đồng thẩm định

a) Tham mưu, giúp Hội đồng trong việc tổ chức thẩm định (tiếp nhận và gửi tài liệu liên quan đến công tác thẩm định; tổng hợp ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng; chuẩn bị tài liệu họp và ghi biên bản họp Hội đồng; dự thảo Báo cáo thẩm định xin ý kiến Hội đồng để Chủ tịch Hội đồng báo cáo cấp có thẩm quyền; thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác thẩm định khi được Chủ tịch Hội đồng giao);

b) Thực hiện quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng thẩm định.

6. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng thẩm định

a) Nghiên cứu hồ sơ, có ý kiến thẩm định bằng văn bản và gửi Chủ tịch Hội đồng đúng thời hạn;

b) Tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng;

c) Được quyền bảo lưu và chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định của mình.

Điều 19. Tổ chức thẩm định các nội dung Bộ trưởng Bộ Công an quyết định

1. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, Cục Kế hoạch và tài chính kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và có văn bản đề nghị đơn vị mua sắm bổ sung tài liệu trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Sau khi nhận hồ sơ đề nghị thẩm định hợp lệ, Cục Kế hoạch và tài chính tổ chức thẩm định, có văn bản đề nghị chủ đầu tư tiếp thu, giải trình (nếu có) và hoàn thiện hồ sơ thẩm định.

Đối với trường hợp thẩm định theo hình thức Hội đồng: Cục Kế hoạch và tài chính báo cáo lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng để tổ chức thẩm định.

Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết; trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thẩm định, gửi kết quả thẩm định cho Cục Kế hoạch và tài chính để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ thẩm định. Trường hợp Cục Công nghệ thông tin đồng thời là chủ đầu tư thì Cục Kế hoạch và tài chính thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định

a) Hồ sơ đề nghị thẩm định chủ trương đầu tư gồm: văn bản đề nghị thẩm định; văn bản có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Công an phụ trách về nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; dự thảo Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (trong đó, thuyết minh rõ về sự cần thiết phải đầu tư, quy mô đầu tư; thống kê, đánh giá thực trạng trang bị, thực trạng địa điểm dự kiến triển khai lắp đặt thiết bị; nhu cầu đầu tư; kết quả đối chiếu với tiêu chuẩn, định mức trang bị; đề xuất danh mục, số lượng và đối tượng trang bị của từng danh mục); tài liệu làm căn cứ đề xuất đơn giá dự toán để xác định sơ bộ tổng mức đầu tư (theo một trong các cách thức: kết quả thẩm định giá/giá hợp đồng tương tự/báo giá/giá niêm yết, giá kê khai; tài liệu về giá phải thể hiện tính năng, tác dụng, cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản, xuất xứ, kí mã hiệu của hàng hóa); văn bản của địa phương về việc bố trí, hỗ trợ vốn, kinh phí (đối với dự án mua sắm hàng hóa thuộc danh mục tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ), các tài liệu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Hồ sơ đề nghị thẩm định dự án đầu tư gồm: văn bản đề nghị thẩm định; Báo cáo nghiên cứu khả thi; các tài liệu làm căn cứ đề xuất thiết kế, dự toán; các tài liệu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Trường hợp đề nghị thẩm định dự án đầu tư sau 06 tháng kể từ ngày chủ trương đầu tư được duyệt và hoặc các tài liệu làm căn cứ xác định sơ bộ tổng mức đầu tư hết hiệu lực, chủ đầu tư phải xây dựng đơn giá dự toán để xác định tổng mức đầu tư theo điểm a khoản này.

Hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung;

c) Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán dự án gồm: văn bản đề nghị thẩm định; quyết định phê duyệt đầu tư; hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán dự án; các tài liệu làm căn cứ đề xuất thiết kế chi tiết (bao gồm cả kết quả khảo sát thực địa) và dự toán để xác định tổng dự toán; các tài liệu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

Trường hợp đề nghị thẩm định dự toán của dự án đầu tư sau 06 tháng kể từ ngày chủ trương đầu tư được duyệt và hoặc các tài liệu làm căn cứ xác định sơ bộ tổng mức đầu tư hết hiệu lực, chủ đầu tư phải xây dựng đơn giá dự toán theo điểm a khoản này.

Hồ sơ thiết kế chi tiết của dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung;

d) Hồ sơ đề nghị thẩm định dự toán mua sắm chi tiết gồm: văn bản đề nghị thẩm định; dự toán mua sắm chi tiết và tài liệu làm căn cứ đề xuất đơn giá dự toán theo điểm a khoản này;

đ) Hồ sơ đề nghị thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu gồm: văn bản đề nghị thẩm định; văn bản có ý kiến chấp thuận của người có thẩm quyền về chủ trương lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; dự thảo tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, tài liệu thuyết minh chi tiết và tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan về lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;

e) Hồ sơ đề nghị thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gồm: văn bản đề nghị thẩm định, dự thảo quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự thảo tờ

trình đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tài liệu làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập sau 06 tháng kể từ ngày chủ trương đầu tư hoặc dự toán mua sắm chi tiết được duyệt và hoặc các tài liệu làm cơ sở xác định sơ bộ tổng mức đầu tư, đơn giá dự toán mua sắm chi tiết hết hiệu lực, chủ đầu tư phải tiến hành thu thập các tài liệu để xây dựng giá gói thầu theo Điều 16 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, khoản 32 Điều 2 Nghị định số 17/2025/NĐ-CP và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh;

g) Số lượng bộ hồ sơ đề nghị thẩm định là 02 bộ. Trường hợp thẩm định theo hình thức Hội đồng hoặc cần thiết phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan, Cục Kế hoạch và tài chính yêu cầu đơn vị mua sắm bổ sung số lượng hồ sơ phù hợp phục vụ công tác thẩm định.

3. Nội dung thẩm định:

a) Thẩm định chủ trương đầu tư bao gồm: kiểm tra sự phù hợp, đầy đủ về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; sự phù hợp với tiêu chuẩn, định mức trang bị, nhu cầu sử dụng thực tế (trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức trang bị); sự phù hợp của phương án thiết kế theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này; các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Thẩm định dự án đầu tư bao gồm: kiểm tra sự phù hợp, đầy đủ về nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi; các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công; các nội dung theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin;

c) Thẩm định thiết kế, dự toán của dự án bao gồm: kiểm tra việc thực hiện quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư này; các nội dung khác theo quy định của pháp luật về đầu tư công; và các nội dung theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin;

d) Thẩm định dự toán mua sắm chi tiết: kiểm tra tính đầy đủ, phù hợp và khả thi của các nội dung được đề xuất trong dự toán mua sắm chi tiết theo Điều 13 Thông tư này;

đ) Thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: kiểm tra căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, tính đầy đủ, phù hợp và khả thi của dự thảo kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu;

e) Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu: kiểm tra căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tính đầy đủ, phù hợp và khả thi của dự thảo kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

4. Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không bao gồm thời gian nghiên cứu, giải trình của cơ quan đề nghị thẩm định:

a) Thời gian thẩm định chủ trương đầu tư, dự án đầu tư và thiết kế, dự toán của dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Thẩm định dự toán mua sắm chi tiết: không quá 30 ngày;

c) Thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: không quá 20 ngày.

Điều 20. Thẩm định các nội dung Thủ trưởng đơn vị mua sắm quyết định

1. Trách nhiệm thẩm định: thủ trưởng đơn vị mua sắm giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc thành lập hội đồng thẩm định (tổ thẩm định) để tổ chức thẩm định trước khi phê duyệt. Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin, việc tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 19 Thông tư này. Hồ sơ thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 129 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; hồ sơ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 130 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

3. Nội dung thẩm định dự án đầu tư, thiết kế chi tiết và dự toán của dự án đầu tư, dự toán mua sắm chi tiết, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư này. Nội dung thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP; nội dung thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 130 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

4. Thời gian thẩm định các nội dung thuộc khoản 3 Điều này thực hiện theo khoản 4 Điều 19 Thông tư này. Thời gian thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu: không quá 20 ngày.

Điều 21. Trình duyệt trong đầu tư, mua sắm

1. Đối với chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia và chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ: căn cứ kết

quả thẩm định nội bộ Bộ Công an, đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an ký trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Trình duyệt các nội dung Bộ trưởng Bộ Công an quyết định:

a) Đối với chủ trương đầu tư: căn cứ kết quả thẩm định, đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoàn thiện hồ sơ gửi Cục Kế hoạch và tài chính tổng hợp, xin ý kiến Thứ trưởng phụ trách kế hoạch, tài chính trước khi trình Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng được Bộ trưởng phân công quyết định. Đối với trường hợp phải báo cáo xin ý kiến Ban thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Cục Kế hoạch và tài chính báo cáo và tổng hợp trình Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng được Bộ trưởng phân công quyết định;

b) Đối với dự án đầu tư; dự toán mua sắm chi tiết; kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu hoặc kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thiết kế chi tiết và dự toán của dự án: căn cứ kết quả thẩm định, đơn vị mua sắm hoàn thiện hồ sơ và trình Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng phụ trách đơn vị mua sắm quyết định;

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, nếu có nội dung chưa thống nhất với kết quả thẩm định, đơn vị mua sắm trao đổi với Cục Kế hoạch và tài chính để thống nhất trước khi trình duyệt theo quy định.

3. Trình duyệt các nội dung Thủ trưởng đơn vị mua sắm quyết định: đơn vị, tổ chức được Thủ trưởng đơn vị mua sắm giao thẩm định tiến hành thẩm định để trình duyệt theo quy định.

Mục 4
LỰA CHỌN NHÀ THẦU; CẤP PHÁT, THEO DÕI TÀI SẢN, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA SẮM

Điều 22. Lựa chọn nhà thầu; thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

a) Thời gian phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và kết quả lựa chọn nhà thầu: không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ trình duyệt (sau thẩm định);

b) Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu: theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu; thời gian chuẩn bị hồ sơ đề xuất trong vòng từ 03

ngày làm việc đến không quá 10 ngày, tùy quy mô, tính chất của gói thầu và nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện dự án, gói thầu;

c) Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất tối đa là 30 ngày (đối với đấu thầu trong nước) và 40 ngày (đối với đấu thầu quốc tế); đánh giá hồ sơ dự thầu tối đa là 45 ngày (đối với đấu thầu trong nước) và 60 ngày (đối với đấu thầu quốc tế) kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày bên mời thầu hoặc tổ chuyên gia trình chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp cần phải gia hạn thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất làm kéo dài thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư báo cáo người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xem xét, quyết định; đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, chủ đầu tư báo cáo người phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xem xét, quyết định việc kéo dài thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất để phù hợp với thời gian thực tế thực hiện gói thầu và phải bảo đảm không vượt quá tổng thời gian thực hiện chỉ định thầu quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Đấu thầu.

2. Để tổ chức lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư quyết định thành lập tổ chuyên gia, hoặc chỉ định đơn vị trực thuộc, giao cho đơn vị thanh toán trực thuộc hoặc lựa chọn đơn vị tư vấn đấu thầu trong trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu để thực hiện một số nhiệm vụ của đơn vị mua sắm; chỉ định 01 đơn vị trực thuộc có năng lực, kinh nghiệm hoặc thành lập Tổ thẩm định hoặc lựa chọn nhà thầu tư vấn trong trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu để thẩm định những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định.

3. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá bán do Nhà nước định giá được quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15, đơn vị mua sắm được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trước cơ quan chức năng có thẩm quyền.

4. Hồ sơ mời thầu có nội dung hoặc điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một, một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, thì nội dung, điều kiện này sẽ bị coi là vô hiệu, không phải là căn cứ để đánh giá hồ sơ dự thầu; việc xác định các nội dung, điều kiện này thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ; trường hợp quy định xuất xứ không bao gồm Việt Nam thì hàng hóa có xuất xứ Việt Nam vẫn

được xem xét, đánh giá và được hưởng ưu đãi. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa tổ chức đấu thầu trong nước mà có ít nhất 03 hãng sản xuất cho 01 mặt hàng xuất xứ Việt Nam đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng và giá, chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam.

5. Khi trình duyệt danh sách ngắn mời tham gia đấu thầu hạn chế hoặc danh sách nhà thầu dự kiến mời nhận hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu, cơ quan trình thuyết minh rõ cơ sở đề xuất để chủ đầu tư xem xét, quyết định.

6. Đối với gói thầu Bộ Công an phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, khi được lãnh đạo Bộ yêu cầu, chủ đầu tư báo cáo xin ý kiến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo thẩm quyền.

7. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu nêu rõ: danh mục, chủng loại, số lượng, nhãn hiệu, mã hiệu, năm sản xuất, cấu hình, thông số kỹ thuật, xuất xứ của hàng hóa trúng thầu, đơn giá trúng thầu, tổng giá trị trúng thầu, các loại thuế, phí (nếu có), tên và địa chỉ nhà thầu trúng thầu. Đối với các gói thầu Bộ Công an phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị mua sắm gửi Cục Kế hoạch và tài chính 01 bản để quản lý, theo dõi chung.

Điều 23. Ký kết hợp đồng

1. Việc ký kết hợp đồng, sửa đổi hợp đồng phải bảo đảm tuân thủ quy định tại các điều từ Điều 64 đến Điều 70 Luật Đấu thầu, từ Điều 105 đến Điều 112 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi các bên tham gia hợp đồng hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng. Trong hợp đồng phải quy định cụ thể thời gian thực hiện gói thầu, thời gian thực hiện hợp đồng và mốc thời gian hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng.

3. Hiệu lực của hợp đồng được tính từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực đến thời điểm các bên tham gia hợp đồng thanh lý hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật; việc thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 113 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể xem xét, sửa đổi hợp đồng theo quy định tại Điều 70 Luật Đấu thầu, Điều 106 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và các quy định sau đây:

a) Việc sửa đổi các nội dung về tiến độ, khối lượng, giá chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện gói thầu ghi trong hợp đồng, trừ trường hợp áp dụng tùy chọn mua thêm;

b) Các bên tham gia hợp đồng đánh giá phương án dự kiến sửa đổi và thỏa thuận, thống nhất ký phụ lục sửa đổi hợp đồng. Đối với trường hợp sửa đổi hợp đồng về thông số kỹ thuật của hàng hóa thì phương án sửa đổi phải được đánh giá tối thiểu là tương đương so với thông số kỹ thuật của hàng hóa trong hợp đồng đã ký;

c) Trường hợp sửa đổi hợp đồng xuất phát từ yêu cầu của nhà thầu thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư tiến hành xác minh, làm rõ nguyên nhân để có phương án giải quyết phù hợp;

d) Khi sửa đổi hợp đồng làm thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng hoặc vượt giá gói thầu (bao gồm dự phòng) được duyệt và những nội dung khác đã được người có thẩm quyền phê duyệt khi thực hiện đầu tư, mua sắm thì chủ đầu tư phải báo cáo người có thẩm quyền cho phép trước khi thực hiện.

Điều 24. Nghiệm thu, cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm về tính khách quan, minh bạch, trung thực và độ chính xác, đầy đủ của kết quả nghiệm thu; chỉ tổ chức nghiệm thu sau khi nhà thầu thực hiện hợp đồng bàn giao đúng và đầy đủ, cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu (bao gồm cả việc thiết lập, lắp đặt các hệ thống thiết bị, chuyển giao công nghệ, đào tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành máy móc, thiết bị và các nội dung khác đã thỏa thuận);

b) Giấy tờ, tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ theo quy định của hợp đồng.

2. Nghiệm thu đối với hàng hóa, dịch vụ không phải thi công lắp đặt, thiết lập hệ thống theo quy định của hợp đồng:

a) Kiểm tra số lượng và nội dung của hồ sơ, giấy tờ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa;

b) Kiểm tra số lượng, tình trạng, thông tin, thông số kỹ thuật của hàng hóa (dựa trên hàng hóa thực tế và các hồ sơ, giấy tờ kèm theo);

c) Kiểm tra toàn bộ lô hàng hoặc xác suất nhằm xác nhận hàng hóa hoạt động bình thường;

d) Xác nhận các nội dung đã được thực hiện theo quy định của hợp đồng và các nội dung cần thực hiện ngoài quy định của hợp đồng (nếu có);

đ) Lập biên bản nghiệm thu, có chữ ký xác nhận của các bên tham gia nghiệm thu.

3. Nghiệm thu hàng hóa là hệ thống thiết bị kỹ thuật phức tạp, đặc thù phải thi công cài đặt, thiết lập thành hệ thống:

a) Nghiệm thu hàng hóa trước khi đưa vào thi công cài đặt, thiết lập thành hệ thống thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này;

b) Kiểm tra hoạt động tổng thể của hệ thống thiết bị kỹ thuật sau khi được thi công cài đặt, thiết lập thành hệ thống;

c) Vận hành thử nghiệm hệ thống trong thời gian theo quy định của hợp đồng để đánh giá tính năng bảo đảm hệ thống hoạt động bình thường;

d) Lập biên bản nghiệm thu tổng thể, có chữ ký xác nhận của các bên tham gia nghiệm thu.

4. Cấp phát, theo dõi tài sản, hàng hóa mua sắm:

a) Sau khi tài sản, hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu theo hợp đồng, căn cứ quyết định trang bị của cấp có thẩm quyền, đơn vị mua sắm cấp phát và báo nợ hiện vật cho đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan với nguyên giá tài sản cố định hoặc giá trị hàng hóa theo giá tạm tính (giá quyết toán hợp đồng hoặc giá theo hóa đơn nhà thầu cung cấp);

b) Căn cứ giấy báo nợ hiện vật, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm hạch toán kế toán tài sản, hàng hóa được trang bị theo chế độ kế toán hiện hành;

c) Khi dự án đầu tư, dự toán mua sắm được phê duyệt quyết toán, đơn vị mua sắm phân bổ các chi phí chung, chi phí khác của dự án đầu tư, dự toán mua sắm vào giá trị tài sản, hàng hóa được hình thành qua đầu tư, mua sắm theo quy định và thông báo cho đơn vị quản lý, sử dụng tài sản thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định hoặc giá trị hàng hóa đã được hạch toán trên sổ kế toán của đơn vị.

Mục 5
KIỂM SOÁT, CẤP PHÁT, THANH TOÁN VÀ QUYẾT TOÁN VỐN, KINH PHÍ MUA SẮM

Điều 25. Cấp phát, thanh toán vốn, kinh phí mua sắm

1. Việc quản lý, cấp phát, thanh toán được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng nguồn vốn, kinh phí và theo quy định của Thông tư này.

2. Cấp phát, thanh toán vốn, kinh phí mua sắm được thực hiện theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước hoặc lệnh chi tiền, cụ thể như sau:

a) Trường hợp được giao rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước thì căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn, kinh phí được giao, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm về các nội dung rút dự toán và thanh toán bảo đảm theo quy định của Kho bạc Nhà nước.

Trường hợp được giao chung trong tài khoản dự toán của Bộ Công an, Cục Kế hoạch và tài chính cấp vốn, kinh phí cho đơn vị mua sắm để thanh toán theo tiến độ thực hiện. Đối với thanh toán theo hình thức rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, Chủ đầu tư gửi kho bạc nhà nước Giấy đề nghị thanh toán vốn.

Sau khi Kho bạc nhà nước chấp thuận thanh toán, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, gửi Cục Kế hoạch và tài chính 01 bản sao trước ngày 10 hằng tháng để theo dõi, tổng hợp báo cáo tiến độ giải ngân;

b) Đối với hình thức lệnh chi tiền, Cục Kế hoạch và tài chính đề nghị cấp có thẩm quyền cấp vốn, kinh phí về tài khoản tiền gửi của Bộ Công an để cấp cho đơn vị mua sắm thanh toán cho nhà thầu.

Điều 26. Thẩm định, kiểm soát cấp phát, thanh toán vốn, kinh phí mua sắm

1. Cục Kế hoạch và tài chính thẩm định hồ sơ cấp phát, thanh toán vốn, kinh phí mua sắm trong trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng ủy thác nhập khẩu, hợp đồng mua bán hàng hóa nhập khẩu thực hiện bằng ngoại tệ, sau khi thẩm định hồ sơ, Cục Kế hoạch và tài chính đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Bộ Tài chính chuyển tiền về tài khoản của Bộ Công an để cấp cho chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu hoặc cấp trực tiếp cho nhà thầu theo đề nghị của Cục Kế hoạch và tài chính;

b) Đối với các hợp đồng mua sắm bằng đồng Việt Nam được giao dự toán tại Bộ Công an, Cục Kế hoạch và tài chính thẩm định hồ sơ, cấp tiền theo tiến độ để chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu.

2. Đơn vị mua sắm gửi Cục Kế hoạch và tài chính bản gốc hoặc bản sao y các tài liệu sau đây và chỉ gửi 01 lần cho đến khi hoàn thành đầu tư, mua sắm (trừ trường hợp có điều chỉnh, bổ sung):

a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt thiết kế, dự toán của dự án đầu tư; quyết định phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết;

b) Quyết định phê duyệt kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có), kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Đối với từng lần đề nghị cấp phát, thanh toán vốn, kinh phí mua sắm, hồ sơ thẩm định gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp phát, thanh toán vốn đầu tư, kinh phí mua sắm của đơn vị mua sắm;

b) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

c) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) kèm theo bảo đảm thực hiện hợp đồng. Đối với hợp đồng ủy thác nhập khẩu hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa nhập khẩu gửi kèm hợp đồng nhập khẩu do nhà thầu ký với đối tác nước ngoài có bản dịch Tiếng Việt được công chứng, xác nhận dịch thuật;

d) Giấy bảo lãnh tiền tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, xác nhận tài khoản ký quỹ theo quy định;

đ) Hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hợp đồng (nếu có).

4. Trên cơ sở tiến độ thực hiện và đề nghị của đơn vị mua sắm, Cục Kế hoạch và tài chính chuyển vốn, kinh phí về tài khoản của đơn vị mua sắm. Thủ trưởng đơn vị mua sắm thực hiện kiểm soát chi, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ cấp phát, thanh toán theo đúng quy định và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, chứng từ thanh toán.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Kế hoạch và tài chính kiểm tra, kiểm soát hồ sơ cấp phát, thanh toán, nếu phát hiện khoản chi chưa thực hiện đúng quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa trong Công an nhân dân hoặc khả năng dẫn đến lãng phí thì tạm thời chưa cấp phát, chi trả và có văn bản thông báo cho Thủ trưởng đơn vị mua sắm để rà soát lại. Trường hợp cần thiết, Cục Kế hoạch và tài chính báo cáo lãnh đạo Bộ Công an để xin ý kiến chỉ đạo.

6. Đối với phương thức cấp qua Kho bạc Nhà nước (giao dự toán):

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm liên hệ với Kho bạc Nhà nước mở tài khoản để thực hiện việc giao dịch trong quá trình thực hiện dự án. Khi có yêu cầu về việc tạm ứng, thanh toán cho nhà thầu thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định gửi Kho bạc Nhà nước để được cấp phát tạm ứng, thanh toán;

b) Kế hoạch vốn trong năm đã bố trí cho dự án (kể cả bổ sung nếu có) chỉ được thanh toán cho giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 31 tháng 12. Chậm nhất tới

thời điểm này, đơn vị mua sắm phải lập và gửi hồ sơ thanh toán tới Kho bạc Nhà nước để được thanh toán;

c) Thời hạn thanh toán đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau; quá thời hạn này, kế hoạch vốn còn lại của dự án sẽ bị thu hồi, trừ một số trường hợp được kéo dài thời gian thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Trong quá trình thực hiện, thủ trưởng đơn vị mua sắm tính toán khả năng giải ngân, nếu không thực hiện hết chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao phải báo cáo kịp thời về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để điều chỉnh vốn cho dự án khác theo quy định.

Điều 27. Quyết toán vốn, kinh phí mua sắm

1. Đơn vị mua sắm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm; quyết toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định của pháp luật.

2. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành và quyết toán theo niên độ; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo phân cấp, ủy quyền.

3. Đối với chủ đầu tư vi phạm thời hạn gửi báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định hoặc chưa thực hiện đầy đủ quy định tại quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Cục Kế hoạch và tài chính tổng hợp báo cáo Bộ trưởng xem xét, xử lý.

Mục 6
MUA SẮM TẬP TRUNG; MUA THUỐC, HÓA CHẤT, VẬT TƯ, THIẾT BỊ Y TẾ

Điều 28. Mua sắm tập trung

Căn cứ nhu cầu thực tế, Bộ Công an ban hành danh mục mua sắm tập trung và tổ chức thực hiện theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

Điều 29. Lập nhu cầu sử dụng và tổ chức mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế

1. Căn cứ nhu cầu sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế, các bệnh viện và các đơn vị dự toán có cơ sở y tế trực thuộc chủ động lập nhu cầu sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế của đơn vị, gồm: thuốc thuộc danh mục thuốc đấu

thầu tập trung, đàm phán giá; thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế do đơn vị tự tổ chức mua sắm. Việc lập nhu cầu, thời hạn và địa chỉ gửi bản đăng ký nhu cầu sử dụng thuốc thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung, đàm phán giá được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế cho y tế cơ quan, y tế cơ sở giam giữ, y tế cơ sở cai nghiện ma túy phải bảo đảm phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu khi bị tai nạn thương tích, bệnh lý thông thường, bệnh mãn tính, phù hợp với quy mô bệnh tật, trình độ, chuyên môn, các dịch vụ kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt triển khai thực hiện.

2. Đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm tổ chức mua thuốc kịp thời đáp ứng yêu cầu điều trị đối với thuốc ngoài danh mục thuốc đấu thầu tập trung và đàm phán giá, trừ một số trường hợp theo quy định của Bộ Y tế và theo thông báo bằng văn bản của đơn vị mua sắm tập trung, đàm phán giá.

Đối với việc mua thuốc, thiết bị y tế để bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên của đơn vị, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ thì đơn vị được tự quyết định mua sắm trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.

3. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán chi tiết mua thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 19 và Điều 20 Thông tư này và quy định khác có liên quan.

Đối với việc mua thuốc, hóa chất, dụng cụ, vật tư y tế tiêu hao của bệnh viện trực thuộc Bộ Công an, trường hợp cần thiết, giám đốc bệnh viện lấy ý kiến tham gia của Cục Y tế trước khi phê duyệt dự toán mua sắm chi tiết theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Công an quy định tại điểm khoản 4 Điều 8 Thông tư này; Cục Y tế có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.

4. Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký kết, quản lý, theo dõi thực hiện hợp đồng; thanh, quyết toán hợp đồng thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định khác có liên quan.

Trường hợp thuốc thuộc danh mục mua sắm tập trung trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc không lựa chọn được nhà thầu trúng thầu hoặc khi thỏa thuận khung của

gói thầu mua sắm tập trung hết hiệu lực; trên cơ sở thông báo của đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung, đơn vị mua sắm được chủ động tổ chức mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu để đáp ứng nhu cầu sử dụng tối đa không quá 12 tháng và được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo đúng giá hợp đồng.

Mục 7
CUNG CẤP, ĐĂNG TẢI THÔNG TIN VỀ ĐẤU THẦU VÀ ĐẤU THẦU QUA MẠNG

Điều 30. Cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu

1. Công an các đơn vị, địa phương khi soạn thảo văn bản, tài liệu của dự án đầu tư, dự toán mua sắm, gói thầu phải căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước để xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước để có phương án quản lý, bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

2. Đơn vị mua sắm có trách nhiệm cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại Điều 8 Luật Đấu thầu, Điều 18 và Điều 20 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Điều 31. Đấu thầu qua mạng

1. Đơn vị mua sắm phải tổ chức lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh theo lộ trình và quy trình quy định tại Điều 50 Luật Đấu thầu và Điều 97 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

2. Đối với dự án đầu tư, các chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng được tính trong chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn; đối với dự toán mua sắm, đơn vị mua sắm xác định chi phí đăng tải thông tin khi lập dự toán mua sắm chi tiết.

Mục 8
GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ; KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 32. Giám sát, đánh giá đầu tư; kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu

1. Đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư và việc tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện theo quy định về giám sát và đánh giá đầu tư trong Công an nhân dân.

2. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì tổ chức kiểm tra công tác đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Bộ trưởng Bộ Công an; chủ trì tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu theo chức năng và theo yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Công an đối với các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật, gói thầu thực hiện theo hình thức chỉ định thầu và gói thầu có nhiều thắc mắc, kiến nghị. Thủ trưởng đơn vị mua sắm tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đấu thầu đối với những gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt, nếu thấy cần thiết.

3. Kiểm tra hoạt động đấu thầu được thực hiện theo phương thức kiểm tra trực tiếp hoặc qua báo cáo bằng văn bản theo quy định tại Điều 121, Điều 122 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Giám sát hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các nội dung quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 86 Luật Đấu thầu. Trình tự, thủ tục giám sát, trách nhiệm của cá nhân, đơn vị giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 123, Điều 124 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Điều 33. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư công (đề xuất, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định dự án và quyết định đầu tư; quản lý, thực hiện dự án đầu tư) thực hiện theo quy định tại Chương VI Luật Đầu tư công.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong hoạt động đấu thầu (người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ chức thẩm định) thực hiện theo quy định tại Chương VIII Luật Đấu thầu.

3. Đối với dự án đầu tư, dự toán mua sắm hàng hóa thuộc danh mục tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng Bộ trưởng Bộ Công an phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư, quyết định việc mua sắm theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 7, khoản 2, khoản 3, khoản 6 Điều 8 Thông tư này, trong vòng 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán mua sắm, đơn vị mua sắm gửi 01 bản sao về Cục Kế hoạch và tài chính để tổng hợp, theo dõi.

4. Đơn vị được lấy ý kiến tham gia có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời hạn theo đề nghị của đơn vị lấy ý kiến và chịu trách nhiệm về nội dung tham gia theo chức năng.

CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 06 năm 2025.

2. Thông tư số 45/2021/TT-BCA ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thẩm quyền, trình tự, thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản, hàng hóa trong Công an nhân dân (sau đây gọi là Thông tư số 45/2021/TT-BCA) hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Quyết định số 305/QĐ-BCA-H06 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ủy quyền quyết định mua thuốc trong Công an nhân dân hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4. Quyết định số 2171/QĐ-BCA ngày 27 tháng 03 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy định mua thuốc trong Công an nhân dân hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng trong Thông tư này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các nội dung dẫn chiếu sẽ được áp dụng theo các văn bản mới đã có hiệu lực.

Điều 35. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án đầu tư, dự toán mua sắm chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có), thiết kế chi tiết và dự toán, dự toán mua sắm chi tiết, kế hoạch lựa chọn nhà thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 45/2021/TT-BCA trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư công, đấu thầu, ngân sách nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh các nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các nội dung đề xuất điều chỉnh được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Đối với gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Công an đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa được phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư báo cáo xin ý kiến lãnh đạo Bộ theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Thông tư này.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp và đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra việc thi hành Thông tư này.

2. Cục Y tế hướng dẫn chi tiết việc đảm bảo thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế cho các cơ sở y tế trong Công an nhân dân.

3. Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để có hướng dẫn kịp thời./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang